

Quan hệ kinh tế Việt Nam - Trung Quốc trong phát triển kinh tế Việt Nam hiện nay

BÙI TẮT THẮNG

 *ghiên cứu về tác động ảnh hưởng của Trung Quốc đối với phát triển kinh tế Việt Nam là một chủ đề hết sức rộng lớn và phức tạp. Bài viết này chỉ tập trung trình bày một vài ý kiến mang tính khái quát ở tầm vĩ mô xung quanh vấn đề quan hệ kinh tế Việt Nam - Trung Quốc và tác động của chúng đối với nền kinh tế Việt Nam kể từ khi hai nước bình thường hóa quan hệ đến nay.*

1. Cải cách mở cửa ở Trung Quốc và đổi mới kinh tế ở Việt Nam

Từ đầu thập kỷ 1990, khi quan hệ giữa hai nước Việt - Trung được bình thường hóa thì cũng là lúc quá trình đổi mới và cải cách mở cửa đã đi qua giai đoạn khởi động ban đầu. Tuy thời điểm xuất phát của cải cách mở cửa ở Trung Quốc và đổi mới ở Việt Nam không trùng nhau, nhưng công cuộc cải cách mở cửa và đổi mới đều được thúc đẩy bởi nhu cầu bức bách từ thực tiễn bên trong mỗi nước. Đó chính là quá trình tìm kiếm con đường hay mô hình phát triển phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của đất nước khi mô hình kế hoạch hóa tập trung đã trở thành nhân tố cản trở cản trở quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Khác hẳn với những lần sửa đổi, cải tiến hay hoàn thiện công tác quản lý trước đây nhằm sửa chữa những khiếm khuyết của cơ chế kế hoạch hóa tập trung dựa trên chính những nguyên lý cơ sở của cơ chế này, công cuộc cải cách mở cửa và đổi mới là sự thay đổi cách tiếp cận tìm kiếm mô hình phát triển, là "giải phóng tư tưởng" ở Trung Quốc và "đổi mới tư duy" ở Việt Nam, hay như cách nói của Đặng Tiểu Bình là "cuộc cách mạng lần thứ hai". Tính chất cách mạng của cuộc cải cách mở cửa và đổi mới là: từ bỏ cơ chế kế hoạch hóa tập trung để chuyển sang nền kinh tế thị trường. Sự chuyển đổi này có thể được xem như sự tái hiện tư tưởng về chính sách kinh tế mới (NEP) của V.I. Lênin hồi đầu thập kỷ 1920 với tuyên bố rằng: "Toàn bộ quan điểm

của chúng ta về CNXH đã thay đổi về căn bản".

Giai đoạn khởi đầu quá trình cải cách mở cửa và đổi mới, hai nước Trung Quốc và Việt Nam trước khi quan hệ giữa hai nước được bình thường hóa, tuy không có điều kiện để trao đổi kinh nghiệm, học tập lẫn nhau cũng như hợp tác cùng nhau nghiên cứu, nhưng có lẽ do những vấn đề phải giải quyết có nhiều điểm tương đồng, lại thêm điều kiện để giải quyết vấn đề như nhiều khía cạnh kinh tế, xã hội, lịch sử, văn hóa ... tương đối giống nhau, nên logic nội tại của quá trình cải cách mở cửa và đổi mới của hai nước đã có nhiều điểm giống nhau đến mức đáng ngạc nhiên. Chẳng hạn, sự kiện khoán sản phẩm trong nông nghiệp ở huyện Phong Dương (tỉnh An Huy, Trung Quốc) và huyện Đồ Sơn (thành phố Hải Phòng, Việt Nam) đã khởi đầu quá trình cải cách và đổi mới theo kiểu "phá rào" từ dưới lên, tiếp cận công cuộc cải cách mở cửa và đổi mới trước hết từ kinh tế ... Về cơ bản, người ta thấy rằng, cách thức và mục tiêu tiến hành đổi mới và cải cách đã khiến cho hai nước Việt Nam và Trung Quốc tách ra thành một nhóm khác biệt hẳn với các nền kinh tế chuyển đổi ở Đông Âu và Liên Xô. Trong khi các nước Đông Âu và Liên Xô tiến hành cải cách đồng loạt và nhanh chóng, bắt đầu từ cải cách chính trị và đồng thời với nó là cải cách mạnh mẽ thể chế kinh

Bùi Tắt Thắng, PGS.TS., Viện Chiến lược phát triển,
Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

I. V.I. Lênin, Toàn tập, Tập 45, tr. 428.

tế, thì Trung Quốc và Việt Nam đã tiến hành cải cách một cách từ từ, tiệm tiến, mang tính thực nghiệm và xuất phát từ lĩnh vực kinh tế, đồng thời cố gắng duy trì sự ổn định về chính trị - xã hội, xem đó như một điều kiện tiên đề không thể thiếu của công cuộc cải cách. Sự giống nhau này khiến cho khi quá trình bình thường hóa quan hệ giữa hai nước được nối lại, nhu cầu tìm hiểu học tập kinh nghiệm của nhau và hợp tác nghiên cứu tìm ra các con đường đi thích hợp cả ở cấp vĩ mô lẫn vi mô trở thành cấp thiết một cách rất tự nhiên.

Ở khía cạnh thể chế kinh tế (và chính trị), lãnh đạo cấp cao của hai nước đã khẳng định phương châm 16 chữ "Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai" và tinh thần 4 tốt "Láng giềng tốt, Bạn bè tốt, Đồng chí tốt, Đối tác tốt" và là quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện. Với khung khổ chung này, Trung Quốc và Việt Nam đã nhiều lần cùng chia sẻ kinh nghiệm lý thuyết và thực tiễn về xã hội chủ nghĩa, đã tổ chức nhiều hội thảo chung

về nghiên cứu thể chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Như vậy, có thể nói một cách khái quát, tác động ảnh hưởng lẫn nhau về quan điểm cách tiếp cận, thể chế, chính sách của hai cách mở cửa của Trung Quốc với đối nội và kinh tế của Việt Nam là không nhỏ.

2. Hiện trạng quan hệ kinh tế Việt Nam - Trung Quốc

Trên nền tảng quan hệ kinh tế chính trị tiến từ "bình thường hóa" (1991) đến quan hệ "đối tác hợp tác chiến lược toàn diện" (2008), quan hệ kinh tế Việt Nam - Trung Quốc phát triển nhanh chóng, nhất là từ khoảng giữa thập niên 2000 đến nay, thể hiện rõ nét trên 3 lĩnh vực chính sau.

2.1. Thương mại

Theo số liệu thống kê, kim ngạch ngoại thương giữa hai nước tăng nhanh qua các năm, nhất là từ năm 2007 trở lại đây. Từ năm 2004 đến nay, Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam.

BẢNG 1: Kim ngạch ngoại thương của Việt Nam

Năm	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam		Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với Trung Quốc	
	Tỷ USD	Mức tăng (%)	Tỷ USD	Mức tăng (%)
1995	13,7		0,6	
1996	18,4	34,3	0,6	0,0
1997	20,8	13,0	0,9	50,0
1998	20,9	0,5	0,9	0,0
1999	23,2	11,0	1,4	55,6
2000	30,1	29,7	2,9	107,1
2001	31,2	3,7	3,0	3,4
2002	36,4	16,7	3,7	23,3
2003	45,5	25,0	5,0	35,1
2004	58,5	28,6	6,5	30,0
2005	69,2	18,3	9,1	40,0
2006	84,7	22,4	10,6	16,5
2007	111,5	31,6	16,3	53,8
2008	143,4	28,6	20,9	28,2
2009	127,0	-11,4	20,8	-0,5
2010	157,0	23,6	27,9	34,1
2011	203,6	29,7	36,5	31,8
2012	228,3	12,1	41,8	14,5
2013	264,0	15,6	50,1	19,9
9 tháng 2014	217,0		42,1	

Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam các năm.

Trong quan hệ thương mại với Trung Quốc, mức nhập siêu cũng tăng nhanh và ngày càng lớn, cũng đặc biệt là từ năm 2007 đến nay. Các năm 2009 và 2010, nhập siêu từ Trung Quốc chiếm gần như toàn bộ

giá trị nhập siêu của Việt Nam, các năm 2011, 2012 và 2013 thì không chỉ giá trị tuyệt đối rất lớn, mà nhập siêu từ Trung Quốc còn rất lớn khi tổng cán cân ngoại thương cân bằng hoặc thậm chí xuất siêu.

BẢNG 2: Nhập siêu của Việt Nam

Năm	Tổng mức nhập siêu của Việt Nam		Nhập siêu của Việt Nam với Trung Quốc	
	Tỷ USD	Mức tăng (%)	Tỷ USD	Mức tăng (%)
1995	2,7	-	0,0	-
1996	3,8	40,7	0,0	0,0
1997	2,4	-36,8	-0,1	-100,0
1998	2,1	-12,5	0,1	200,0
1999	0,2	-90,5	0,0	-100,0
2000	1,1	450,0	-0,1	-100,0
2001	1,2	9,1	0,2	300,0
2002	3,0	150,0	0,7	250,0
2003	5,1	70,0	1,2	71,4
2004	5,5	7,8	1,7	41,7
2005	4,4	-20,0	2,7	58,8
2006	5,1	15,9	4,2	55,6
2007	14,3	180,4	9,1	116,7
2008	18,0	25,9	11,1	22,0
2009	12,8	71,1	10,0	-10,0
2010	12,6	-1,6	12,5	25,0
2011	9,8	-22,2	13,3	6,4
2012	-0,7	107,1	16,2	21,8
2013	0,0	-70,0	23,7	46,3
9 tháng 2014	-1,0	-	20,0	-

Nguồn: Tính theo Niên giám thống kê Việt Nam các năm.

Trong quan hệ thương mại song phương Việt Nam - Trung Quốc, tương quan vị thế rất khác nhau. Mức độ ảnh hưởng của xuất nhập khẩu của Trung Quốc đối với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam rất lớn, thì mức ảnh hưởng của xuất nhập khẩu của Việt Nam đối với tổng

kim ngạch xuất - nhập khẩu của Trung Quốc lại rất nhỏ. Hàng xuất khẩu của Việt Nam năm cao nhất cũng chưa đầy 0,7% giá trị nhập khẩu của Trung Quốc so với mức trên 25% của giá trị xuất khẩu hàng Trung Quốc trên tổng giá trị nhập khẩu của Việt Nam (chênh lệch trên 37 lần).

BẢNG 3: Tỷ lệ phụ thuộc giá trị xuất - nhập khẩu Việt Nam - Trung Quốc

Năm	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
% xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc/ Tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam	9,9	8,1	7,5	7,7	8,6	10,5	12,1	10,8
% nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc/ Tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam	16,0	16,5	20,3	19,8	23,6	24,0	23,6	25,3
% xuất khẩu của Trung Quốc sang Việt Nam/ Tổng kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc	0,77	0,76	1,04	1,12	1,37	1,27	1,30	1,41
% nhập khẩu của Trung Quốc từ Việt Nam/ Tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc	0,49	0,41	0,38	0,43	0,49	0,52	0,64	0,68

Nguồn: Tính theo Niên giám thống kê Việt Nam các năm.

Tình trạng nhập siêu do nhiều nguyên nhân, nhưng tựu chung lại có 3 loại nguyên nhân cơ bản sau:

- Cơ cấu hàng hóa gắn với trình độ công nghệ: hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc chủ yếu là hàng nông sản thô, các sản phẩm khai thác làm nguyên liệu như cao su, sắn, cà phê, chè, hạt tiêu, thủy sản, một số loại quả như vải, nhãn, thanh long...; than đá, dầu thô, một số quặng kim loại. Ngoài ra, có một số không nhiều các sản phẩm công nghiệp gia dụng như giấy dép, hàng may mặc, đồ gỗ, đồ nhựa, linh kiện điện tử... Nhìn chung, các sản phẩm này đều nằm ở tầng công nghệ thấp. Ở chiều ngược lại, hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc về Việt Nam cơ bản tuy không phải loại sản phẩm chứa đựng trình độ công nghệ - kỹ thuật cao theo chuẩn mực thế giới, nhưng không chỉ cao hơn nhiều công nghệ công nghiệp hiện có của Việt Nam, mà còn nằm ở những khâu có trình độ công nghệ cao hơn, giá trị gia tăng lớn hơn. Cái gọi là sản phẩm chủ chốt của các loại công nghiệp phụ trợ cho nhiều lĩnh vực sản xuất công nghiệp mà Việt Nam thiếu vắng thì hầu như được "bù đắp" bởi hàng công nghiệp nhập khẩu từ Trung Quốc. Đó các loại máy móc, thiết bị, phụ tùng, nguyên phụ liệu... để tạo ra rất nhiều sản phẩm công nghiệp xuất khẩu của Việt Nam, như hàng dệt may, giấy

dép, đồ điện tử gia dụng... Hơn nữa, trên thị trường Việt Nam, từ hàng cùng ngõ hẻm, dầu dầu cũng có thể tìm ra những sản phẩm công nghiệp phục vụ đời sống thường ngày cho con người của nền công nghiệp đang được coi là "đại công xưởng" của thế giới với chất lượng chấp nhận được, mẫu mã phong phú, tiện dụng và nhất là giá cả phải chăng. Trong lĩnh vực nông nghiệp, Việt Nam đang phải nhập khẩu một phần giống lúa, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi từ Trung Quốc.

Vậy là, tuy trình độ công nghệ không phải loại tiên tiến nhất thế giới (nhưng cao hơn nhiều trình độ công nghệ của nền công nghiệp bản địa Việt Nam), cơ cấu kinh tế và sản phẩm cơ bản không khác nhau nhiều, nhưng do nắm được những bậc thang cao hơn trong chuỗi giá trị của mỗi loại sản phẩm, sản xuất công nghiệp Việt Nam sống nhờ nhiều hơn vào nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên phụ liệu trung gian đã qua chế biến... từ Trung Quốc. Trong khi cơ cấu xuất khẩu theo chiều ngược lại thì hầu hết là sản phẩm nguyên liệu thô, không có khả năng ảnh hưởng lớn đến chuỗi sản xuất.

- Giá cả so với sản phẩm cùng loại trên thị trường quốc tế: nhìn chung, theo các nhà kinh doanh, giá cả các loại sản phẩm của Trung Quốc rẻ hơn các sản phẩm

cùng loại của các nước khác trên thị trường. Mặc dù chất lượng một số loại sản phẩm của Trung Quốc thấp hơn các sản phẩm cùng loại nhập từ nước khác, nhưng công năng sử dụng (ngán bạn) vẫn đáp ứng được và điều quan trọng là phù hợp với túi tiền của người sử dụng. Điều này không chỉ đúng với các hàng hóa tiêu dùng thường nhật, mà điều đáng quan tâm là các loại hàng hóa tư liệu sản xuất, các loại máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất. Có những trường hợp hết thời gian bảo hành không lâu thì máy móc thiết bị cũng bắt đầu phải sửa chữa.

- Giá trị nhập siêu cao từ Trung Quốc còn có nguyên nhân từ việc Trung Quốc là một trong những nhà thầu lớn tại Việt Nam, nhất là các lĩnh vực khai thác khoáng sản, xây dựng nhà máy nhiệt điện, hóa chất... Trong quá trình thực hiện các gói thầu xây dựng này, hầu hết máy móc, thiết bị đều do Trung Quốc tự cung cấp.

- Ngoài ra còn có các nguyên nhân khác như buôn bán tiểu ngạch qua biên giới, cách thức tiếp thị, cách thức làm thương mại... Việt Nam có đường biên giới trên biển và trên đất liền với Trung Quốc dài gần 1.450 km, trong đó phía Việt Nam là 7 tỉnh và phía Trung Quốc là 2 tỉnh, với 9 cặp cửa khẩu. Những tỉnh biên giới giáp với Trung Quốc của Việt Nam đều là những địa điểm tiến hành buôn bán tiểu ngạch rất nhộn nhịp, trao đổi các loại hàng hóa rất đa dạng.

Tóm lại, trong quan hệ thương mại với Trung Quốc, có 3 đặc điểm lớn. *Một là*, hiện tại Việt Nam là nước nhập siêu với giá trị lớn (năm 2013 là 23,7 tỷ USD). *Hai là*, đối với một số lĩnh vực sản xuất hàng hóa tiêu dùng và xuất khẩu của Việt Nam đang phải phụ thuộc nhiều vào máy móc thiết bị, nguyên phụ liệu đầu vào và công nghệ nhập khẩu từ Trung Quốc. *Ba là*, thị trường hàng tiêu dùng Việt Nam, từ thành thị đến nông thôn, từ các loại giá trị lớn như thiết bị điện, đồ dùng gia đình... cho

đến các loại đồ dùng thông dụng như thực phẩm, đồ da, túi xách, đồ may mặc, văn phòng phẩm, các sản phẩm của đời sống tinh thần, tâm linh, đồ chơi trẻ em... vẫn thấy đủ các loại sản phẩm của Trung Quốc với khối lượng lớn.

2.2. Đầu tư

Đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Việt Nam không thuộc loại lớn. Tính đến hết tháng 12-2013, Trung Quốc đã đầu tư vào Việt Nam gần 1.000 dự án với gần 6 tỷ USD vốn đăng ký, đứng thứ 9/100 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Số vốn đã giải ngân khoảng gần 1/3 số vốn đăng ký. Về quy mô vốn đầu tư bình quân trên 1 dự án, các dự án đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam (theo vốn đăng ký) thuộc loại nhỏ, thấp hơn nhiều so với mức bình quân chung. Phần lớn FDI của Trung Quốc được đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp và trải rộng trên địa bàn của 55/63 tỉnh/thành phố trên cả nước, tạo ra khoảng 100 ngàn chỗ làm việc trực tiếp. Phần đầu tư gián tiếp chính thức của Trung Quốc vào thị trường chứng khoán Việt Nam quy mô còn nhỏ. Ở chiều ngược lại, Việt Nam mới có 13 dự án đầu tư sang Trung Quốc với 16 triệu USD.

2.3. Du lịch

Số lượng khách du lịch từ Trung Quốc đến Việt Nam tăng nhanh trong những năm gần đây. Năm 2007 có hơn 557 nghìn lượt khách, đến năm 2013 đạt đến 1,9 triệu lượt khách. Lượng khách đến từ Trung Quốc chiếm hơn 20% tổng lượng khách quốc tế đến Việt Nam. Tuy nhiên, theo đánh giá của các công ty du lịch, mức chi tiêu bình quân của khách Trung Quốc còn rất thấp, tờ Bloomberg News dẫn lời Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình trong chuyến thăm đến Mandivơ, xin du khách Trung Quốc "hãy ăn ít mì ăn liền và nhiều hải sản địa phương hơn"² phần nào cho thấy

2. Người đưa tin (Theo Washingtonpost), thứ sáu, 19-9-2014 15:23:17).

mức độ chi tiêu “tiết kiệm” của khách du lịch Trung Quốc ra nước ngoài.

3. Quan hệ kinh tế Việt Nam Trung Quốc trong thời gian tới

Từ tháng 5-2014, sự kiện Trung Quốc đưa giàn khoan HD-981 vào vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam đã làm dấy lên một cuộc tranh luận rộng rãi trong xã hội về quan hệ Việt Nam – Trung Quốc nói chung và đánh giá về nhân tố Trung Quốc với nền kinh tế Việt Nam nói riêng. Trên các phương tiện thông tin đại chúng, đã xuất hiện một số bài viết trực tiếp bàn về chủ đề tác động của Trung Quốc tới kinh tế Việt Nam với các kịch bản được dự báo khác nhau³.

Ở góc nhìn dài hạn có thể thấy rằng, trong suốt chiều dài lịch sử, diễn biến của quan hệ Việt Nam – Trung Quốc mang tính thăng trầm. Nhưng về cơ bản, các quan hệ kinh tế và văn hóa thì tỏ ra bền vững hơn, xuất phát cả từ lý do lịch sử lẫn nhu cầu thực tế. Song, xét ở góc độ quốc gia, để có một quan hệ kinh tế và văn hóa bền vững, bình đẳng, thì nội lực kinh tế của Việt Nam phải mạnh lên. Hàn Quốc chẳng hạn, hiện nay có quan hệ buôn bán với Trung Quốc lớn hơn nhiều so với buôn bán giữa Việt Nam và Trung Quốc; và Hàn Quốc luôn là nước xuất siêu. Vậy, để có được vị thế quan hệ buôn bán với Trung Quốc giống như Hàn Quốc, cần phải có thời gian và có lẽ cần một cách tiếp cận khác với cách mà Việt Nam đang quan hệ kinh tế với Trung Quốc hiện nay.

Trước hết, cần khẳng định rằng, việc Trung Quốc đưa giàn khoan HD-981 vào vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam là hành động có chủ ý, có tính toán, nằm trong chuỗi các hoạt động trái phép của Trung Quốc trên Biển Đông. Trước đó, Trung Quốc đã từng cắt cáp tàu Viking II (tháng 6-2011) và tàu Bình Minh 02 (tháng 12-2012). Có thể nhận định chung rằng, sau sự kiện Trung Quốc đưa giàn

khoan HD-981 vào vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam sẽ là một thời kỳ quan hệ giữa hai nước có nhiều biểu hiện rất khác với giai đoạn “bình thường hóa” quan hệ từ năm 1991 đến nay, cho dù vẫn mang danh nghĩa “đối tác hợp tác chiến lược toàn diện”.

Với cách nhìn nêu trên, với tư cách là quan hệ láng giềng, có thể nói nhân tố Trung Quốc luôn có tác động ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam trong từng thời kỳ với các mức độ khác nhau. Vấn đề là tìm giải pháp cho việc nâng cao vị thế của Việt Nam trong mối quan hệ kinh tế đó. Trước mắt, có thể là giá trị buôn bán sẽ ít đi, lượng FDI từ Trung Quốc sẽ suy giảm, lượng khách du lịch từ Trung Quốc sẽ giảm xuống..., làm ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Việt Nam. Chẳng ai phủ nhận điều này trong ngắn hạn. Nhưng vấn đề là mức độ tác động đến đâu và nền kinh tế có thể vượt qua được những khó khăn nhất thời đó không? Mọi người đều biết rằng, trong suốt những năm xảy ra chiến tranh với Trung Quốc (1979-1989), Việt Nam đã từng không quan hệ kinh tế với Trung Quốc. Và xét về quan hệ kinh tế của Việt Nam thì không đâu bằng với Liên Xô (cũ), nhưng khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, những năm ngay sau đó quan hệ kinh tế của Việt Nam với các nước này cũng chẳng còn bao nhiêu, nhưng thực tế cho thấy kinh tế Việt Nam vẫn vượt qua được.

Trong mỗi lĩnh vực quan hệ kinh tế với Trung Quốc, đều cho thấy tính hai mặt rõ rệt. Chẳng hạn, nếu khối lượng buôn bán suy giảm, nhiều loại máy móc, thiết bị, nguyên

3. Một số bài viết nổi bật trong số đó có thể kể đến:

- Ba kịch bản trong quan hệ kinh tế Việt – Trung.
<http://baodautu.vn/ba-kich-ban-trong-quan-he-kinh-te-viet-trung.huml>; 16:23 | 12-07-2014.

- Ba kịch bản quan hệ kinh tế Việt – Trung sau vụ giàn khoan HD-981. 14-7-2014, 17:28 (GMT+7).

phụ liệu cho sản xuất của Việt Nam sẽ không được cung cấp từ Trung Quốc, không lẽ các doanh nghiệp không tái cơ cấu (dành rằng không dễ) để tồn tại và phát triển? Và có thể vì vậy mà nhập siêu từ Trung Quốc sẽ giảm! Còn về FDI của Trung Quốc, do chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ trong tổng mức FDI vào Việt Nam, nên cũng không phải có ảnh hưởng quá lớn. Mức độ ảnh hưởng của suy giảm khách du lịch từ Trung Quốc cũng tương tự như vậy. Với từng doanh nghiệp cụ thể, mức độ ảnh hưởng lớn – nhỏ tùy thuộc vào mức độ và quy mô quan hệ kinh doanh trực tiếp với Trung Quốc, nhưng trên bình diện tổng thể quốc gia thì mức độ tác động ảnh hưởng lại chủ yếu chịu tác động của các chính sách kinh tế tổng thể và quan hệ kinh tế đối ngoại. Vì vậy, các giải pháp phát triển quan hệ kinh tế với Trung Quốc

cần dựa trên những quan điểm sau:

- Quan hệ “đối tác hợp tác chiến lược toàn diện” với Trung Quốc trong thời gian tới sẽ bao gồm cả hợp tác và đấu tranh, rất phức tạp, khác hẳn giai đoạn 20 năm sau “bình thường hóa” vừa qua.

- Cần nhìn nhận vấn đề một cách tổng thể, dài hạn để xử lý những vấn đề ngắn hạn.

- Điều cần tập trung ưu tiên trước mắt là tái cơ cấu nền kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh để nâng cao vị thế trong quan hệ kinh tế - thương mại với Trung Quốc.

- Mở rộng hơn nữa các quan hệ kinh tế - thương mại với các đối tác khác, nhất là với các nền kinh tế đã phát triển.

- Tích cực tham gia xây dựng cộng đồng kinh tế ASEAN./.